

Số 01 /TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày 6 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Xin thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán
của Công ty CP Lilama 69-3

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY NĂM 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần LILAMA 69-3

Căn cứ vào Quyết định số: 69/QĐ-HĐQT ngày 06/10/2020 về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Lilama 69-3.

Căn cứ vào Hợp đồng kiểm toán số: 431/HĐKT/TC/NV12 ngày 19/10/2020 về việc Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty CP Lilama 69-3.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Lilama 69-3 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán. Tóm tắt một số chỉ tiêu chính như sau:

A. Bảng cân đối kế toán:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số dư 01/01/2020	Số dư 31/12/2020
I	Tài sản ngắn hạn	691.762.322.955	699.548.187.009
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	79.700.557.931	9.632.392.148
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.732.820.802	7.051.912.922
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	306.529.427.322	438.680.906.399
4	Hàng tồn kho	299.799.516.900	244.182.975.540
5	Tài sản ngắn hạn khác		
II	Tài sản dài hạn	180.275.153.253	169.183.862.646
1	Các khoản phải thu dài hạn	811.100.000	802.100.000
2	Tài sản cố định	163.959.216.741	149.868.636.372
	- Tài sản cố định hữu hình	136.549.554.899	129.506.996.805
	- Tài sản cố định thuê tài chính	26.755.490.252	19.747.713.781
	- Tài sản cố định vô hình	654.171.590	613.925.786

3	Bất động sản đầu tư		
4	Tài sản dở dang dài hạn	1.210.282.486	1.210.282.486
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.000.000.000
6	Tài sản dài hạn khác	14.294.554.026	16.302.843.788
	Tổng cộng tài sản (I+II)	872.037.476.208	868.732.049.655
III	Nợ phải trả	764.729.598.302	761.294.758.783
1	Nợ ngắn hạn	698.442.119.175	661.999.459.845
2	Nợ dài hạn	66.287.479.127	99.295.298.938
VI	Vốn chủ sở hữu	107.307.877.906	107.437.290.872
1	Vốn chủ sở hữu	106.500.076.324	106.725.209.342
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.793.610.000	82.793.610.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	19.790.000	19.790.000
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.995.394.089	5.012.951.659
	- Quỹ Đầu tư phát triển	17.074.542.081	17.127.214.791
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.616.740.154	1.771.642.892
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	807.801.582	712.081.530
	- Nguồn kinh phí	123.100.000	123.100.000
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	684.701.582	588.981.530
	Tổng cộng nguồn vốn (III+IV)	872.037.476.208	868.732.049.655

B. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	782.396.338.944	682.220.367.166
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	782.396.338.944	682.220.367.166
4	Giá vốn hàng bán	716.295.272.271	624.012.870.136
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.101.066.673	58.207.497.030
6	Doanh thu hoạt động tài chính	657.510.897	1.525.499.338
7	Chi phí tài chính	39.619.167.309	35.953.632.716
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.248.842.213	19.887.514.815
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.890.568.048	3.891.848.837
11	Thu nhập khác	497.519.962	356.816.874

10/1972
G-T H

4-

12	Chi phí khác	4.137.868.382	3.988.417.553
13	Lợi nhuận khác	(3.640.348.420)	(3.631.600.679)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	250.219.628	260.248.158
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.213.690.049	3.640.028.361
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(4.139.046.123)	(3.640.028.361)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	175.575.702	260.248.158
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17	25

C. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản	%	
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		19%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		81%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%	
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		87,6%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		12,4%
3	Khả năng thanh toán	Lần	
	- Khả năng thanh ngắn hạn		1,06
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,69
4	Tỷ suất lợi nhuận	%	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,03%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,04%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0,24%

Xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

CHỦ TỊCH HĐQT
Đỗ Trọng Hoàn

3
DƯƠNG

4-